

PHÁP LUẬT VỀ HỘ TỊCH:

TÌM HIỂU QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH THEO LUẬT HỘ TỊCH VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

Luật gia Nguyễn Nhật Vũ

Đăng ký khai sinh là sự kiện hộ tịch cơ bản, có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời của mỗi cá nhân. Đăng ký khai sinh là việc Nhà nước ghi nhận sự ra đời, tồn tại của trẻ em, ghi nhận các thông tin hộ tịch cơ bản nhất của con người bao gồm: họ, tên, ngày tháng năm sinh, dân tộc, quốc tịch, họ tên cha, mẹ... Đăng ký khai sinh và cấp Giấy khai sinh là cơ sở pháp lý để xác định tư cách công dân, thiết lập mối quan hệ chính thức giữa công dân với Nhà nước, là cơ sở để xác lập các quyền nhân thân khác của cá nhân. Để thực hiện tốt việc đăng ký khai sinh, công chức làm công tác hộ tịch ngoài việc nắm vững các quy định của pháp luật về đăng ký khai sinh cần phải nắm rõ các quy định pháp luật khác có liên quan như: Quy định pháp luật dân sự về việc xác định họ, tên, dân tộc, quê quán; quy định pháp luật hôn nhân và gia đình về xác định con trong thời kỳ hôn nhân, xác định cha, mẹ cho con, quyền của cha mẹ, người thân thích khác trong việc đăng ký khai sinh; quy định pháp luật về quốc tịch; quy định pháp luật về cư trú... Đồng thời, phải có kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức cho người dân hiểu, thực hiện đúng quyền, trách nhiệm của mình, tránh nảy sinh bức xúc, phản ứng trái chiều trong việc đăng ký khai sinh.

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc đăng ký khai sinh, ngày 20/11/2014, Quốc hội khóa XIII thông qua Luật Hộ tịch thay thế Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch; đề hướng dẫn thi hành Luật, ngày 15/11/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; ngày 16 tháng 11 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Các văn bản nêu trên đều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016, trong đó quy định rất cụ thể và chi tiết về nội dung, trình tự, thủ tục của việc Đăng ký khai sinh. Cụ thể:

Về quyền đăng ký khai sinh: Quyền được khai sinh là một trong các quyền cơ bản của con người, là quyền quan trọng của trẻ em được quy định cụ thể tại Điều 30 Bộ Luật Dân sự năm 2015 như sau: “Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh; trẻ em sinh ra mà sống được từ hai mươi bốn giờ trở lên mới chết thì phải được khai sinh và khai tử; nếu sinh ra mà sống dưới hai mươi bốn giờ thì không phải khai sinh và khai tử, trừ trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ có yêu cầu”.

Về thẩm quyền đăng ký khai sinh: Theo quy định tại Điều 13 Luật Hộ tịch thì “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh”. Cư trú theo quy định tại Điều 1 của Luật Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú.

Về nội dung đăng ký khai sinh: Theo quy định tại Điều 14 Luật Hộ tịch thì việc đăng ký khai sinh gồm các nội dung: Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch. Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú. Số định danh cá nhân của người được

đăng ký khai sinh. Đồng thời, tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này, Luật cũng quy định việc xác định quốc tịch, dân tộc, họ của người được khai sinh được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam và pháp luật dân sự. Nội dung đăng ký khai sinh quy định tại Khoản 1 Điều này là thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó.

Để hướng dẫn cụ thể hơn về nội dung đăng ký khai sinh, tại Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định cách xác định các nội dung đăng ký khai sinh như sau:

- *Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em* được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, thì xác định theo tập quán;

- *Ngày, tháng, năm sinh* được xác định theo Dương lịch. Nơi sinh, giới tính của trẻ em được xác định theo Giấy chứng sinh do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật. Đối với trẻ em sinh tại cơ sở y tế thì nơi sinh phải ghi rõ tên của cơ sở y tế và tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh nơi có cơ sở y tế đó; trường hợp trẻ em sinh ngoài cơ sở y tế thì ghi rõ tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh nơi trẻ em sinh ra;

- *Quê quán* của người được đăng ký khai sinh được xác định theo quê quán của cha hoặc mẹ theo thỏa thuận của cha, mẹ hoặc theo tập quán được ghi trong tờ khai khi đăng ký khai sinh;

- *Quốc tịch* của trẻ em được xác định theo quy định của pháp luật về quốc tịch;

- *Số định danh cá nhân* của người được đăng ký khai sinh được cấp khi đăng ký khai sinh. Thủ tục cấp số định danh cá nhân được thực hiện theo quy định của Luật Căn cước công dân và Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân, trên cơ sở bảo đảm đồng bộ với Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

Về trách nhiệm đăng ký khai sinh: Để đảm bảo thực hiện quyền được khai sinh cho trẻ em, Khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch quy định: “Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em”.

Trong trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi/ trẻ chưa xác định được cha, mẹ thì cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh trong thời hạn Luật quy định là 60 ngày kể từ ngày sinh hoặc ngày phát hiện trẻ bị bỏ rơi.

Về thủ tục đăng ký khai sinh

Theo quy định tại Điều 16 Luật Hộ tịch; Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Điều 3, Điều 5 Thông tư số 15/2015/TT-BTP thì trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện như sau:

- *Nơi nộp hồ sơ đăng ký khai sinh:* Người có yêu cầu đăng ký khai sinh nộp hồ sơ tại UBND cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ.

- *Giấy tờ phải xuất trình gồm:* Giấy tờ tùy thân của người yêu cầu đăng ký khai sinh; giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh; giấy chứng nhận kết hôn trong trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn.

- *Giấy tờ phải nộp gồm:* Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định; bản chính Giấy chứng sinh; văn bản ủy quyền đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

- *Trình tự đăng ký khai sinh được thực hiện như sau:* Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận. Nếu hồ sơ sau khi đã được hướng dẫn theo quy định mà không được bổ sung đầy đủ, hoàn thiện thì người tiếp nhận từ chối tiếp nhận hồ sơ và lập văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ lý do từ chối, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch cập nhật thông tin khai sinh theo hướng dẫn để lấy Sổ định danh cá nhân (đối với các địa phương đã triển khai cấp Sổ định danh cá nhân khi đăng ký khai sinh), ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy khai sinh cấp cho người được đăng ký khai sinh.

- *Thời gian giải quyết:* Theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật Hộ tịch thì nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì xem xét, giải quyết đăng ký khai sinh ngay; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15h, không thể giải quyết ngay trong ngày làm việc thì viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả (trong ngày làm việc tiếp theo).

Bên cạnh đó, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng quy định rất cụ thể việc đăng ký khai sinh trong các trường hợp đặc biệt như: Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi; đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ; đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ; đăng ký khai sinh tại khu vực biên giới; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân...

Có thể nói, Luật Hộ tịch ra đời đã tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc trong công tác đăng ký hộ tịch nói chung và công tác đăng ký khai sinh, bước đầu gạt hái được một số kết quả quan trọng. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về đăng ký khai sinh đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc sau:

Thứ nhất, theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy Chứng sinh, quy định này đã gây khó khăn cho quá trình đăng ký khai sinh vì trong thực tế một số trường hợp người công dân chỉ cung cấp được bản sao có chứng thực Giấy Chứng sinh còn bản chính Giấy Chứng sinh đã dùng để giải quyết một số chế độ, chính sách cho trẻ hoặc một số lý do khác. Trong trường hợp này, đề nghị chỉ quy định người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản sao Giấy Chứng sinh có chứng thực hoặc nộp bản sao Giấy Chứng sinh đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu cho phù hợp theo quy định tại Điều 3 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng làm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính.

Thứ hai, theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật Hộ tịch thì thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh của công dân Việt Nam có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện thì phải được giải quyết ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Với quy định này đã tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tuy nhiên lại gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Bởi vì nhiều trường hợp nộp hồ sơ rất muộn (sau 14h hàng ngày là thời gian nộp hồ sơ phải giải quyết xong trong ngày), trong khi đó, UBND cấp huyện đang thực hiện cơ chế Một cửa liên thông hồ sơ qua nhiều khâu giải quyết nên về thời gian thực hiện trong ngày là không khả thi.

Thứ ba, theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BTP về việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là Công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam thì phải nộp các giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh vào Việt Nam (như: Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam). Tuy nhiên, có một số trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài tại các nước láng giềng như Lào... khi đưa con về cư trú tại Việt Nam thường không thực hiện các nguyên tắc, thủ tục theo quy định về xuất nhập cảnh để xin hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế mà đưa con về cư trú tại Việt Nam theo đường dân sinh, do đó khi đăng ký khai sinh cho con không có các giấy tờ chứng minh trẻ em đã nhập cảnh vào Việt Nam.

Để bảo đảm thi hành hiệu quả các quy định về đăng ký khai sinh của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời khắc phục những vướng mắc, bất cập, cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành nói chung và các quy định về đăng ký khai sinh;

Thứ hai, kịp thời sửa đổi, bổ sung những vướng mắc, khó khăn, bất cập về đăng ký khai sinh theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thứ ba, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ hộ tịch, nhất là các kỹ năng trong việc giải quyết, xử lý các tình huống hộ tịch và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch cho đội ngũ làm công tác hộ tịch ở cấp huyện và cấp xã.

Thứ tư, phát huy vai trò chủ động của cơ quan quản lý nhà nước về công tác tư pháp hộ tịch ở địa phương, trong đó chú trọng công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn. Xem đây là nhiệm vụ thường xuyên để nhằm nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật qua đó kịp thời có biện pháp chỉ đạo, hướng dẫn.

Đăng ký khai sinh cho trẻ em không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm. Những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đăng ký khai sinh cho trẻ em. Nhà nước đảm bảo quyền được đăng ký khai sinh cho trẻ em; cá nhân, tổ chức làm tròn nghĩa vụ đăng ký khai sinh của mình sẽ góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.